

SỬ DỤNG THANG ĐO VINELAND II TRONG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ 3 - 6 TUỔI

TS. Nguyễn Đức Sơn

Phó Trưởng khoa Khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường đại học Sư phạm Hà Nội.

TÓM TẮT

Xem xét các thuộc tính đo lường tâm lý của Thang đo hành vi thích ứng VINELAND II dựa trên kết quả đánh giá 80 trẻ trong các trường Mầm non tại Hà Nội, thông qua mẫu phỏng vấn bán cấu trúc dành cho phụ huynh. Kết quả đánh giá trên nghiệm thể nghiệm cứu cho thấy độ hiệu lực của thang đo là khá tốt, 5 lĩnh vực được đo lường phản ánh được cơ bản các mặt của sự phát triển tâm lý ở trẻ và có thể giúp xác định được các vấn đề chậm phát triển. Tuy nhiên, thuộc tính này cần được nghiên cứu sâu hơn. Độ tin cậy của các thang đo cho các lĩnh vực và các tiểu lĩnh vực là rất tốt. Cần quan tâm đến một số vấn đề về văn hóa. Có thể sử dụng thang đo này để đánh giá sự phát triển tâm lý của trẻ trong nghiên cứu và lâm sàng.

Việc sử dụng các trắc nghiệm, thang đo trong quá trình theo dõi, đánh giá mức độ phát triển tâm lý của trẻ trong nghiên cứu và lâm sàng là rất phổ biến. Hiện nay, có nhiều công cụ đánh giá được sử dụng rộng rãi như: Test Denver, Coner CBRS (Coner behavior rating scale), Battle, Vineland... Mỗi công cụ đo có những điểm mạnh và hạn chế riêng. Tùy thuộc vào ưu điểm, hạn chế của các thang đo và vấn đề cần đánh giá mà các chuyên gia có thể lựa chọn một thang đo thích hợp trong số nhiều thang đo khác nhau. Trong quá trình sử dụng các công cụ đánh giá, việc xem xét lại các thuộc tính đo lường tâm lý (Psychometric properties) của các thang đo cần được quan tâm thích đáng để có cơ sở đưa ra các khuyến cáo cho việc sử dụng thang đo một cách hiệu quả, giúp cho việc chỉnh sửa, điều chỉnh, bổ sung thang đo và tiện ích hơn.

Tại Việt Nam, việc sử dụng các công cụ để đánh giá sự phát triển tâm lý của trẻ đã bắt đầu được quan tâm nhưng chưa thực sự phổ biến trong nghiên cứu và thực hành tâm lý học. Cũng vì vậy, các nghiên cứu để đánh giá các công cụ còn rất ít được tiến hành. Việc nghiên cứu, đánh giá các công cụ cần được

quan tâm hơn nữa bên cạnh việc thích nghi, chuẩn hóa hoặc thiết kế các công cụ mới.

Trong quá trình sử dụng Thang đo hành vi thích ứng Vineland II để đánh giá mức độ phát triển tâm lý của trẻ em tại các trường mầm non ở Hà Nội, một số vấn đề về trắc đặc tâm lý đã được đặt ra. Trên cơ sở thực tế sử dụng thang đo này và các dữ liệu thu được, chúng tôi tiến hành phân tích một số thuộc tính đo lường cơ bản của thang đo trên khách thể là một số trẻ em Việt Nam nhằm có được các kết luận bước đầu về công cụ này.

1. Khách thể nghiên cứu Giới thiệu Vineland II

1.1. Khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành trên 80 trẻ, thông qua mẫu phỏng vấn những phụ huynh của trẻ. Đây là những trẻ được các trường mầm non khuyến cáo là có những dấu hiệu liên quan đến chậm phát triển tâm lý hoặc có các dấu hiệu bất ổn về tâm lý, ví dụ tăng động giảm chú ý, tự kỷ nhẹ, chậm ngôn ngữ, rụt rè, kém tương tác xã hội... Tuy nhiên, các trẻ này chưa được đánh giá, chẩn đoán một cách chính thức ở bệnh viện hoặc bởi các chuyên gia tâm lý học.

Phân bố khách thể nghiên cứu như sau:

Trẻ nằm trong độ tuổi từ 3 - 6 tuổi. Trong đó:

Số trẻ trai là: 57 - 71,25%

Số trẻ gái là: 23 - 28,75%

3 tuổi: 28 - 35%

4 tuổi: 30 - 37,5%

5 tuổi: 16 - 20%

6 tuổi: 6 - 7,5%

Tỷ lệ nam/nữ là 2,47 là tỷ lệ khá phổ biến trong các nghiên cứu trẻ có rối nhiễu phát triển tâm lý.

Lựa chọn khách thể: Trẻ được lấy từ danh sách trẻ có dấu hiệu chậm phát triển tâm lý tại các trường mầm non trên địa bàn Hà Nội, bao gồm các quận: Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Cầu Giấy, Thanh Xuân, Ba Đình, Hà Đông. Các trẻ này đều đang tham gia các lớp học tại các trường mầm non.

Tiến hành đánh giá: Các nghiên cứu viên đã được tập huấn sử dụng thang đo Vineland II trong thời gian 6 buổi về lý thuyết và thực hành. Các phụ huynh được thông báo trước và được hẹn phỏng vấn trực tiếp tại nhà. Thời gian phỏng vấn: 60 phút dựa trên mẫu khảo sát bằng phỏng vấn bao gồm tất cả các item

của thang đo. Dữ liệu phỏng vấn được xử lý bằng phần mềm xử lý kết quả của Vineland II được cung cấp kèm theo thang đo.

Như vậy các kết quả của Vineland II được phân tích chưa phải là kết quả trên mẫu chuẩn của trẻ Việt Nam, mà chỉ là kết quả bước đầu thu được từ mẫu nhỏ trẻ có những dấu hiệu chậm phát triển tâm lý. Tuy vậy, việc phân tích các kết quả này có thể đem lại những kết luận ban đầu rất có ý nghĩa về các thuộc tính đo lường tâm lý của thang đo, tạo cơ sở cho việc sử dụng thang đo trong thực hành và nghiên cứu sâu hơn hoặc chuẩn hóa trắc nghiệm này tại nước ta.

1.2. Giới thiệu thang đo

VINELAND II do Sara S.Sparrow, Domenic V Cicchetti, David A. Balla thiết kế và được chuẩn hóa trên mẫu 3.000 khách thể, được xuất bản bởi nhà xuất bản Pearson (Hoa Kỳ) ấn hành. Vineland II là phiên bản tái bản lần 2 đã có chỉnh sửa. Đây là thang đo được sử dụng khá phổ biến tại các cơ sở thực hành và nghiên cứu tại Mỹ. Thang đo được sử dụng với các mục đích sau: 1) Chẩn đoán: chậm phát triển trí tuệ, các rối nhiễu gien, khuyết tật, chậm phát triển, rối nhiễu hành vi; 2) Đánh giá phát triển: đánh giá mức độ phát triển của trẻ, xác định sự cần thiết can thiệp; 3) Điều chỉnh quá trình: đánh giá sự tiến bộ trong việc học các hành vi, kỹ năng mới; 4) Lập kế hoạch can thiệp và 5) Nghiên cứu (3, trang 5).

Thang đo Vineland là công cụ đo các hành vi thích ứng của cá nhân từ 0 đến 90 tuổi. Việc đánh giá dựa trên cơ sở các hành vi mà cá nhân thực hiện trong sự so sánh với mẫu chuẩn cùng độ tuổi, do vậy, thang đo có tên gọi là thang đo hành vi thích ứng. Thang đo tập trung xác nhận sự hiện diện của các hành vi do trẻ thực hiện mà không đánh giá về việc trẻ có khả năng thực hiện hành vi hay không.

Thang đo được thiết kế với 5 lĩnh vực đánh giá chính (domain): Giao tiếp; Các kỹ năng sống; Xã hội hóa; Kỹ năng vận động và Các hành vi kém thích ứng. Mỗi lĩnh vực đánh giá chính bao gồm nhiều tiểu lĩnh vực (sub domain), mỗi tiểu lĩnh vực được đánh giá bằng một thang đo. Cụ thể:

1. Lĩnh vực giao tiếp bao gồm 3 tiểu lĩnh vực:

Tiếp nhận: Đánh giá khả năng nghe, tập trung chú ý và hiểu ngôn ngữ của cá nhân bao gồm 20 item.

Biểu đạt: sử dụng lời nói để có thông tin hoặc cung cấp thông tin, 54 item.

Chữ viết: Nhận biết và sử dụng các chữ để tạo thành từ, đọc và viết, 25 item.

2. Các kỹ năng sinh hoạt thường ngày bao gồm:

Kỹ năng sinh hoạt cá nhân: ăn uống, mặc quần áo, vệ sinh cá nhân, 41 item.

- Kỹ năng sinh hoạt gia đình: thực hiện một số nhiệm vụ trong gia đình, 24 item.

- Kỹ năng sinh hoạt cộng đồng: sử dụng tiền, thời gian, điện thoại, máy tính, công việc, 44 item.

3. Lĩnh vực xã hội hoá:

Quan hệ liên nhân cách: tương tác của cá nhân với các cá nhân khác, 38 item.

- Vui chơi, giải trí: tham gia hoạt động vui chơi, giải trí, 31 item.

- Kỹ năng ứng xử: sự nhạy cảm, trách nhiệm với người khác, 30 item.

4. Các kỹ năng vận động: bao gồm vận động thô 40 item, vận động tinh 36 item.

5. Các chỉ báo hành vi kém thích ứng: các hành vi nội hóa, ngoại hóa và các hành vi kém thích ứng cốt yếu.

Các item thuộc mỗi tiểu lĩnh vực được sắp xếp liên tục theo hướng tăng dần với các độ tuổi. Do vậy, khi phỏng vấn có thể xác định được mức độ phát triển cận trên (ceiling) và cận dưới của mỗi trẻ (Basal).

Thang đo được sử dụng dưới dạng mẫu phỏng vấn bán cấu trúc dành cho phụ huynh hoặc dành cho người chăm sóc trẻ. Để sử dụng thử tại Việt Nam, thang đo đã được dịch sang tiếng Việt với quy trình dịch xuôi, dịch ngược và do hai nhóm tác giả độc lập hiệu đính.

Xử lý kết quả: Kết quả của các tiểu lĩnh vực được tổng hợp thành kết quả chung của một lĩnh vực. Các kết quả đo được quy chuẩn theo từng độ tuổi và từng lĩnh vực cụ thể, bao gồm chỉ số thô (Raw Score) và quy chuẩn (Standard Score). Kết quả tổng hợp được thể hiện bằng chỉ số hành vi thích ứng tổng hợp (Adaptive Behavior Score). Chỉ số thích ứng quy chuẩn cho mọi lĩnh vực đều là 100, mỗi độ lệch chuẩn là 15 điểm. Trẻ có chỉ số chuẩn (Standard Score) của mỗi lĩnh vực thấp hơn 2 độ lệch chuẩn (30 điểm) được coi là chậm trong lĩnh vực đó. Đối với chỉ số thích ứng chung, điểm số thấp hơn 2 độ lệch chuẩn hoặc 1,5 độ lệch ở hai lĩnh vực trở lên, trẻ được coi là chậm phát triển (3, trang 63).

2. Phân tích các thuộc tính đặc trưng của thang đo

2.1. Kết quả chung đánh giá sự phát triển của trẻ

Kết quả đánh giá mức độ phát triển của các lĩnh vực và kết quả tổng hợp được thể hiện ở bảng 1. Các điểm số chuẩn là điểm trung bình cộng của $n = 80$ trẻ được nghiên cứu.

Bảng 1: Kết quả đánh giá chung

TT	Các lĩnh vực	Điểm số chuẩn (Trung bình)	Độ lệch chuẩn	Mức độ phát triển
1	Giao tiếp	73,47	> 1,5	Thấp
2	Kỹ năng sinh hoạt	82,73	> 1	Thấp
3	Xã hội hóa	72,6	> 1,5	Thấp
4	Kỹ năng vận động	85,3	< 1	Trung bình
5	Chỉ số hành vi thích ứng tổng hợp	75,3	> 1,5	Thấp

(Điểm chuẩn là 100, một độ lệch chuẩn là 15 điểm)

Chỉ số hành vi thích ứng tổng hợp cho thấy, mức độ phát triển của trẻ tham gia nghiên cứu ở mức độ thấp (thấp hơn 1,5 độ lệch chuẩn) so với mức độ phát triển bình thường. Điểm số trung bình của các lĩnh vực giao tiếp, xã hội hóa đều thấp hơn điểm chuẩn ít nhất là một độ lệch chuẩn. Các hành vi thuộc các lĩnh vực giao tiếp và xã hội hóa thường bộc lộ rõ và dễ dàng quan sát thấy trong cuộc sống thường ngày của trẻ. Chính vì vậy, giáo viên khi làm việc với trẻ trong thời gian dài đều có thể nhận biết sự thiếu hụt hoặc khó khăn liên quan đến các hành vi này. Điều này được phản ánh trong sự quan ngại của giáo viên về những vấn đề tâm lý mà trẻ gặp phải và giải thích lý do các trẻ này có tên trong danh sách những trẻ có các dấu hiệu về tâm lý cần quan tâm. Như vậy, có sự phù hợp giữa kết quả của thang đo với kết quả quan sát của giáo viên về sự phát triển tâm lý của trẻ. Sự tương đồng này cho thấy, thang đo có độ hiệu lực nhất định mặc dù chưa có đầy đủ cơ sở để khẳng định mức độ hiệu lực của thang đo.

2.2. Độ hiệu lực (ứng nghiệm) của thang đo

Do không có điều kiện sử dụng các thang đo khác để so sánh, đối chiếu và tính hệ số tương quan giữa các kết quả trên cùng mẫu khách thể nhằm xác định độ hiệu lực đối chiếu (Concurrent validity), để xác định độ hiệu lực của thang đo Vineland II, chúng tôi tập trung phân tích độ hiệu lực của thang đo này trên các cơ sở sau:

- Độ hiệu lực cấu trúc (Construct validity): Được hiểu là mức độ phù hợp về mặt cấu trúc của thang đo với cấu trúc của hiện tượng tâm lý cần đo hoặc sự tương quan giữa các thuộc tính của một hiện tượng tâm lý như là một hệ thống. Trong trường hợp này, độ hiệu lực cấu trúc của thang đo có thể xác định bằng cách so sánh cấu trúc các lĩnh vực phát triển cần đo (giao tiếp, xã hội hóa, kỹ năng vận động, kỹ năng ứng xử, các hành vi kém thích ứng) được đề xuất bởi

Vineland II với cấu trúc các lĩnh vực được đề xuất bởi các thang đo khác. So sánh cấu trúc 4 lĩnh vực của thang Vineland, xác định cần đo với thang đo Battle, với các lĩnh vực được đề xuất bởi Hiệp hội Tâm lý học Mỹ (APA, 2006) cho thấy, có sự tương đồng giữa các thang đo dù các tiểu lĩnh vực có đôi chút khác biệt (3, trang 125). Như vậy, có thể coi thang Vineland II với các lĩnh vực nêu trên đã đo lường được các chiều kích cơ bản của sự phát triển tâm lý của trẻ.

- Độ hiệu lực bề mặt (Face validity): Với thang đo này, các item bao quát được rất nhiều các dấu hiệu và các mốc phát triển trong từng lĩnh vực phát triển. Số lượng item lớn cho 5 lĩnh vực, các item có được độ phủ rộng cho các mức phát triển.

Độ hiệu lực tiêu chí (Criteries validity): So sánh kết quả của thang đo với kết quả theo dõi, quan sát của giáo viên các trường mầm non trước đó và quan sát thực tế trẻ. *Kết quả đo bằng thang đo thể hiện trong bảng 1 (kết quả đánh giá chung) tương đồng với kết quả theo dõi tại trường mầm non: các trẻ tham gia đánh giá đều được coi là có mức độ chậm phát triển trong các lĩnh vực khác nhau từ giao tiếp đến kỹ năng sinh hoạt và xã hội hóa (2).*

Như vậy, có thể kết luận: *Thang đo có thể được sử dụng để nghiên cứu các lĩnh vực phát triển tâm lý của trẻ cũng như đánh giá chung về mức độ phát triển tâm lý của trẻ. Tuy vậy, cần có nghiên cứu sâu hơn để có kết luận đầy đủ về độ hiệu lực của thang đo trên trẻ em Việt Nam.*

2.3. Độ tin cậy của thang đo

Độ tin cậy của thang đo được xác định bằng cách tính hệ số Cronbach α của các item. Trước hết, độ tin cậy của từng thang đo cho mỗi tiểu lĩnh vực cũng được xác định, sau đó xác định độ tin cậy của thang đo cho từng lĩnh vực. Kết quả như sau:

* Các tiểu lĩnh vực thuộc lĩnh vực giao tiếp

Bảng 2: Độ tin cậy của các tiểu thang đo thuộc lĩnh vực giao tiếp

TT	Các tiểu lĩnh vực	Cronbach α	Số lượng các item có thể loại bỏ	Tỷ lệ item có thể loại bỏ
1	Tiếp nhận	0,9122	Không	0%
2	Biểu đạt	0,9661	Không	0%
3	Chữ viết	0,7323	Không	0%

Hệ số Cronbach α tính toán được rất cao đối với lĩnh vực tiếp nhận và biểu đạt: $> 0,9$. Như vậy, các thang đo cho các tiểu lĩnh vực tiếp nhận và biểu đạt là rất tin cậy. Thang đo rất tốt. Quan sát số lượng các item có thể loại bỏ cho thấy: khi loại bỏ bất kỳ một item nào, hệ số Cronbach α của tiểu thang đo đều giảm hơn so với chỉ số chung của thang đo. Điều này cho thấy: *số lượng các item trong từng tiểu thang đo là hợp lý và đã được lựa chọn tốt. Đồng thời, các item đó có được độ tin cậy đối với khách thể là trẻ em Việt Nam trong nghiên cứu.*

Trong các tiểu lĩnh vực thuộc giao tiếp, tiểu lĩnh vực chữ viết có hệ số Cronbach α có giá trị thấp hơn cả. Tiểu lĩnh vực này tập trung vào việc xác nhận các kỹ năng phân biệt chữ và số, viết tên họ đầy đủ... Qua phỏng vấn các phụ huynh, ý kiến phổ biến về các item này cho thấy, các hành vi được đề cập đến trong các item không được quan tâm nhiều ở Việt Nam cho đến khi trẻ 5, 6 tuổi, do vậy sự xuất hiện của các hành vi này không đồng đều ở trẻ. Điều này cũng sẽ được phân tích liên quan đến các yếu tố văn hóa ở phần sau. Tuy vậy, đây vẫn là chỉ số chấp nhận được, cho phép sử dụng thang đo với độ tin cậy khá.

* Các tiểu lĩnh vực thuộc lĩnh vực kỹ năng sinh hoạt

Bảng 3: Độ tin cậy của các tiểu thang đo thuộc lĩnh vực sinh hoạt

TT	Các tiểu lĩnh vực	Cronbach α	Số lượng các item có thể loại bỏ	Tỷ lệ item có thể loại bỏ
1	Sinh hoạt cá nhân	0,9346	Không	0%
2	Sinh hoạt gia đình	0,8159	Không	0%
3	Sinh hoạt cộng đồng	0,8492	Không	0%

Tương tự kết quả của các thang đo cho các tiểu lĩnh vực giao tiếp, các thang đo tiểu lĩnh vực sinh hoạt cá nhân, sinh hoạt gia đình và sinh hoạt cộng đồng đều cho hệ số Cronbach α rất tốt. Điểm khác biệt là các hệ số thuộc các lĩnh vực này tương đối đồng đều, không có sự khác biệt lớn.

* Các tiểu lĩnh vực thuộc lĩnh vực kỹ năng xã hội

Với các thang đo cho các tiểu lĩnh vực kỹ năng xã hội, kết quả tương tự đối với các kỹ năng giao tiếp. Trong đó, kỹ năng ứng xử có chỉ số Cronbach α thấp nhất. Các chỉ số này cho thấy độ tin cậy có liên quan khá thống nhất đối với yếu tố văn hóa. Các tiểu lĩnh vực có độ nhạy với yếu tố văn hóa đều có độ tin cậy thấp hơn các tiểu lĩnh vực khác.

Bảng 4: Độ tin cậy của các tiểu thang đo thuộc lĩnh vực kỹ năng xã hội

TT	Các tiểu lĩnh vực	Cronbach α	Số lượng các item có thể loại bỏ	Tỷ lệ item có thể loại bỏ
1	Liên nhân cách	0,9236	Không	0%
2	Vui chơi	0,9090	Không	0%
3	Ứng xử	0,7346	Không	0%

* Các tiểu lĩnh vực thuộc lĩnh vực vận động

Bảng 5: Độ tin cậy của các tiểu thang đo thuộc lĩnh vực vận động

TT	Các tiểu lĩnh vực	Cronbach α	Số lượng các item có thể loại bỏ	Tỷ lệ item có thể loại bỏ
1	Vận động thô	0,8929	Không	0%
2	Vận động tinh	0,9172	Không	0%

- Độ tin cậy của các thang đo từng lĩnh vực

Bảng 6: Độ tin cậy của các thang đo cho các lĩnh vực

TT	Các lĩnh vực	Cronbach α
1	Giao tiếp	0,9607
2	Kỹ năng sinh hoạt	0,9412
3	Kỹ năng xã hội	0,9370
4	Kỹ năng vận động	0,9169
5	Toàn thang đo	0,9795

Thang đo kết hợp của từng lĩnh vực có hệ số rất tốt, đều trên 0,9. Hệ số chung của toàn thang đo cao nhất so các hệ số theo từng lĩnh vực. Như vậy, thang đo có độ tin cậy tốt.

3. Các vấn đề văn hóa và ngôn ngữ

Sử dụng thang đo dưới dạng mẫu phỏng vấn trực tiếp xuất hiện một số khó khăn liên quan đến vấn đề ngôn ngữ và văn hóa như sau:

- Lĩnh vực giao tiếp, các item tập trung khá nhiều vào khả năng biểu đạt của trẻ bằng ngôn ngữ. Mức độ thành thực của khả năng biểu đạt tương ứng với từng độ tuổi, được xác định bằng cách phát hiện trẻ có biết sử dụng các dạng ngôn ngữ bị động, thời quá khứ, thời hiện tại tiếp diễn hay không... Ví dụ: “Sử dụng động từ ở thời quá khứ” hay “Sử dụng các đại từ trong các câu nói “nó”...” các item này khó có được độ chính xác, vì thực tế các dạng ngữ pháp như vậy ít có sự tương đồng và ít phổ biến trong tiếng Việt.

- Lĩnh vực chữ viết (Written): Với văn hóa Việt, trẻ 3, 4 tuổi ít được quan tâm dạy các kỹ năng tương tự như phân biệt chữ và số, viết tên mình..., do vậy điểm số của trẻ trong lĩnh vực này thấp và không đồng đều.

Lĩnh vực ứng xử (Copping skill): Một số hành vi ứng xử không hoàn toàn được coi trọng và nhấn mạnh trong văn hóa Việt. Ví dụ “Ngậm miệng khi nhai”

4. Kết luận

Việc phân tích các kết quả thu được cho thấy: Các thuộc tính đo lường tâm lý (Psychometric properties) của thang đo Vineland II là khá tốt trên số lượng khách thể nghiên cứu. Do vậy, có thể có khuyến nghị như sau:

Có thể sử dụng thang đo trong việc đánh giá mức độ phát triển tâm lý của trẻ em Việt Nam trong các nghiên cứu và thực hành, từ đó thu thập thêm các dữ liệu trên mẫu rộng hơn để đánh giá đầy đủ về công cụ này.

- Các chỉ số đo các lĩnh vực là tin cậy và cho ý nghĩa tham khảo tốt.

Để sử dụng thang đo có hiệu quả cần lưu ý:

Khi sử dụng thang đo cần nắm chắc được ý tưởng của thang đo và các lĩnh vực cần đo lường.

- Hiểu rõ nội dung cần đo của từng item, đặc biệt các item liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ và xã hội hóa.

- Đây không phải là thang đo đặc hiệu cho các rối nhiễu phát triển, có thể dùng để sàng lọc và đánh giá sự phát triển tâm lý của trẻ nói chung.

Về lâu dài cần chuẩn hóa trên mẫu trẻ em Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Borsboom D., *Measuring the mind: conceptual issue in contemporary psychometric*, Cambridge University Press, 2005.
2. Michell J., *Measurement in psychology*, Cambridge University Press, 1999.
3. *Vineland II Adaptive Behavior Scale*, Manual, 2005. Pearson, Inc.